TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Trần Quang Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 702/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1142/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ D; HKTT: 25/84 đường K, phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 66/189 đường T, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Ông Phạm Văn M; Địa chỉ: 25/84 đường K, phường B, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Phiên tòa vắng mặt bà D và ông M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Bà và ông Phạm Văn M tự nguyện chung sống từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2004.

Thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống và ngày càng trầm trọng sau khi bà sinh con. Ông M không tin tưởng và nhiều lần ghen tuông vô cớ đánh đập bà không rõ lý do đồng thời có lời nói không tôn trọng bà; do mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải được nên hai bên đã sống ly thân hơn 05 năm và bà cùng các con đã dọn ra ở riêng gần 03 năm tại địa chỉ 66/189 đường T, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông M để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Thời gian chung sống hai bên có 02 con chung tên Phạm Minh H sinh ngày 01/9/2004 và Phạm Minh H sinh ngày 26/02/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng số tiền là 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn M đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án được ly hôn hôn ông M như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản khai trong quá trình tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát Quận 1, Tp Hồ Chí Minh phát biểu:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung của bà Trần Thị Thùy D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét: Bà Trần Thị Mỹ D và ông Phạm Văn M tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2004 là hôn nhân hợp pháp, bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông M cư trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận l, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn ông Phạm Văn M.*

[5] Xét: Nội dung trình bày của bà D phù hợp với nội dung kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mâu thuẫn phát sinh do hai bên không hòa hợp, không có sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc nên hai bên đã sống ly thân gần 05 năm và bà D đã cùng các con chuyển ra ở riêng gần 03 năm tại địa chỉ 66/189

đường T, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh đến nay; trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không đến tòa làm việc cũng như hòa giải tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

[6] *Về con chung: nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Minh H sinh ngày 01/9/2004 và Phạm Minh H sinh ngày 26/02/2007 và buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng 2.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng cho đến khi lần lượt các con chung tròn 18 tuổi.*

[7] Xét: Căn cứ nội dung bản khai trình bày ý kiến nguyện vọng của các cháu Phạm Minh H và cháu Phạm Minh H mong muốn được ở với mẹ sau khi ly hôn; tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình tố tụng thể hiện nguyên đơn hiện có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện tài chính để chăm sóc các con; quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt không có bản khai trình bày ý kiến đối với nội dung này do đó cần giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Xét: trong quá trình tố tụng bị đơn không có ý kiến phản đối về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nêu trên cũng như cung cấp mức thu nhập và khả năng thực tế của mình; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các con chung hàng tháng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc bị đơn thi hành khoản tiền cấp dưỡng mỗi con là 2.500.000 đồng hàng tháng vào ngày 10 dương lịch bắt đầu từ tháng 5/2021.

[9] *Về tài sản chung:* Nguyên đơn trình bày do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn. Ông Phạm Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo nghĩa vụ cấp dưỡng.

[11] Về quyền kháng cáo: Bà D, ông M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ D được ly hôn ông Phạm Văn M (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2004).

Về con chung: Giao 02 con chung tên tên Phạm Minh H sinh ngày 01/9/2004 và Phạm Minh H sinh ngày 26/02/2007 cho bà Trần Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng, thi hành vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn M không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm một khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không ai được cản trở việc thăm nom con của cha mẹ.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0029874 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Trần Thị Mỹ D và ông Phạm Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. Q1, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận 1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng